

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về: “Quản lý chất thải rắn”; Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 31/12/2007 của Bộ Xây dựng về việc: “Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn”; Thông tư 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc: “Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa”; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 về việc: “Phê duyệt đề án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 đạt mục tiêu đô thị hóa 25%”; Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 về việc: “Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 về việc: “Phê duyệt Danh mục kế hoạch quy hoạch năm 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc: “Phê duyệt đề cương nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 1850/STC-HCSN ngày 02/6/2015 về việc: “Phê duyệt dự toán kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025”;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 để chủ đầu tư và các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Dự toán kinh phí: 885.500.000,0 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm thực hiện hoàn chỉnh điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 theo đúng nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và các quy định hiện hành của nhà nước.

3.2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị có liên quan tổng hợp, cân đối, đề xuất UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho chủ đầu tư theo quy định.

3.3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc có liên quan đến ngành, đồng thời phối hợp kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư theo đúng quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201597 (12).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu:

BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN ĐEN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2159 /QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt	Cơ sở tính toán dự toán	Ghi chú
	Tổng kinh phí:	1.302.183.157	885.573.532		
	Làm tròn số:		885.500.000		
A	CHI PHÍ TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH	1.109.667.632	744.317.402		
I	Chi phí chuyên gia (Ccg)	302.269.000	256.867.000		
-	Chi phí tiền lương chuyên gia: Tiền lương, phụ cấp lương, BHXH, y tế của bộ phận trực tiếp thực hiện	40.000.000	40.000.000	02 người x 20,000,000 đồng/người	Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH
-	Chức nhiệm Đề án	52.095.000	48.507.000	(6,78 + 0,25) x 1,150,000 đồng x 6 tháng	
-	Chức trí Đề án	40.848.000			Bảng lương ban hành theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, Nghị định số 66/2013/NĐ-CP (Bao gồm cả đóng bảo hiểm)
-	Kiến trúc sư, kỹ sư các bộ môn tham gia lập Đề án: Quy hoạch, Tài nguyên môi trường, Kinh tế xây dựng	124.200.000	123.510.000	5 người x (3,33 + 0,25) x 1,150,000 đồng x 6 tháng	
-	Kỹ thuật viên	45.126.000	44.850.000	2 người x (3 + 0,25) x 1,150,000 đồng x 6 tháng	
II	Chi phí quản lý (Cql)	151.134.500	115.590.150		
-	Chi phí tiền lương chuyên gia: Tiền lương, phụ cấp lương, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của chuyên gia tư vấn	151.134.500	115.590.150	45% x Chi phí chuyên gia	Thông tư số 01/2013/TT-BXD

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt	Cơ sở tính toán dự toán	Ghi chú
III	Chi phí khác (Ck)	350.733.000	209.980.000		Thông tư số 01/2013/TT-BXD
1	Thu thập bản đồ địa chính (Tb: 1/10.000) cơ sở dữ liệu, tài liệu và quan trắc dữ liệu về chất thải rắn của 27 huyện, thị xã, thành phố	72.900.000	48.600.000	2 người x 3 ngày x 150.000 đồng/người/lượt/ngày x 27 huyện, TX, TP x 2 lượt	
2	Phụ cấp lưu trú	58.320.000	38.880.000	2 người x 3 ngày x 120.000 đồng/người/lượt/ngày x 27 huyện, TX, TP x 2 lượt	Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND
3	Chi phí thuê chỗ ở tại nơi đến công tác	97.200.000	48.600.000	2 người x 3 ngày x 150.000 đồng/người/lượt/ngày x 27 huyện, TX, TP x 2 lượt	
4	Chi phí văn phòng phẩm: giấy, bút, mực, in ấn tài liệu	36.220.000	10.000.000		
5	Chi phí hội nghị, hội thảo, báo cáo	46.260.000	40.000.000	5 cuộc x bình quân 8.000.000 đồng/cuộc	Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND
6	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị	39.833.000	23.900.000		
-	Khấu hao máy tính		18.000.000	12 máy x 15 triệu đồng/máy/5 năm x 6 tháng	
-	Khấu hao máy in A4		2.400.000	8 máy x 3 triệu đồng/máy/5 năm x 6 tháng	Thông tư số 45/2013/TT-BTC
-	Khấu hao máy photo		3.500.000	1 máy x 35 triệu đồng/máy/5 năm x 6 tháng	
IV	Thu nhập chịu thuế tính trước (TN)	48.248.190	34.946.229	6% x (I+II+III)	Thông tư số 01/2013/TT-BXD
V	Tổng trước thuế VAT	852.384.690	617.383.379	(I+II+III+IV)	
VI	Chi phí lập nhiệm vụ QH	64.695.998	59.268.804	9,6% x V	Thông tư số 01/2013/TT-BXD
VII	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	91.708.069	67.665.218	10% x (V+VI)	
VIII	Chi phí dự phòng (Cdp)	100.878.876			
B	CHI PHÍ KHÁC	187.585.961	137.903.691		
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ Quy hoạch	12.939.200	11.853.761	20% x VI	
2	Chi phí thẩm định đồ án	61.286.459	54.329.737	8,8% x V	
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án	57.876.920	49.390.670	8,0% x V	Thông tư số 01/2013/TT-BXD
4	Chi phí lấy ý kiến nhân dân	22.193.353			

Số TT	Nội dung công việc.	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt	Cơ sở tính toán dự toán	Ghi chú
5	Chi phí công bố dự thảo	33.290.029	22.329.522	$3\% \times A$	
C	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	4.929.564	3.352.440	$0,38\% \times (A+B)$	

X/2